|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND  Dự thảo lần 2 | *Đồng Nai, ngày tháng năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đào tạo**

**nguồn nhân lực phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế**

**Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.**

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh **dự thảo** Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

a) Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao;

- Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới;

- Kế hoạch số 278-KH/TU ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh;

b) Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025.

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014;

- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

- Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

- Quyết định số 401/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng Không Quốc tế Long Thành;

- Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không;

- Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp;

- Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2024-2026, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 278-KH/TU ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh;

- Văn bản số 1351/CHK-TCCB ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Cục Hàng không Việt Nam về việc cung cấp số liệu dự báo nhu cầu nhân sự và lao động phục vụ xây dựng và khai thác Dự án Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành giai đoạn 1 cho địa phương;

- Văn bản số 3079/TCTCHKVN-TCNS ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam về số lượng dự kiến nhân sự tuyển dụng khi Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành đi vào hoạt động.

**2. Cơ sở thực tiễn.**

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế Đông Nam Bộ là tỉnh có truyền thống và luôn đi đầu về phát triển lĩnh vực công nghiệp đóng góp vào sự phát triển cho vùng Đông Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Đặc biệt, sự hình thành và phát triển Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành với ưu thế về vị trí và khả năng kết nối chiến lược với các tỉnh thành trong vùng Đông Nam Bộ và các khu vực đô thị năng động khác, đang tạo ra một cơ hội lớn thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ nhiều lĩnh vực mới ở tỉnh Đồng Nai như Logistics, kinh doanh thương mại, bán lẻ, du lịch, nhà hàng - khách sạn, dịch vụ bất động sản, văn phòng cho thuê…. Như vậy, Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành khi đi vào vận hành năm 2026 không chỉ mở ra một bước ngoặt mới cho ngành hàng không Việt Nam, mà còn là dấu mốc lịch sử quan trọng cho nền kinh tế của tỉnh Đồng Nai. Với sự kỳ vọng hình thành khu thương mại tự do, một nền kinh tế mới, đô thị sân bay,… Đồng Nai đang đứng trước cơ hội lớn để hoà nhập và kết nối sâu rộng với nền kinh tế sản xuất công nghiệp hiện đại từ các nước phát triển trên thế giới (nhóm G7, G20,….), qua đó tạo ra một động lực đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế toàn diện, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 433-KH/TU ngày 28/02/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị.

Tính đến tháng 7 năm 2025, dân số của tỉnh Đồng Nai (sau sáp nhập) là 4.427.700 người; độ tuổi lao động từ 15 tuổi trở lên khoảng 2,36 triệu người, thuận lợi cho việc phát triển nguồn nhân lực tại chỗ đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh, hàng năm có khoảng từ 35 đến 40 ngàn người tốt nghiệp THPT. Hiên nay, trên địa bàn tỉnh có 21 trường cao đẳng, trung cấp và phân hiệu (11 trường cao đẳng, 08 trường trung cấp), có 06 trường đại học và phân hiệu, hàng năm có quy mô và khả năng đào tạo từ 22 đến 27 ngàn người. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng/chứng chỉ của tỉnh Đồng Nai còn thấp (số liệu năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) công bố năm 2024 đạt khoảng 22.82%). Vì vậy, có khoảng 77.18% nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai nói chung và nguồn nhân lực thuộc diện có đất bị thu hồi nói riêng, người dân sinh sống xung quanh Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành cần phải được đào tạo lại hoặc đặt hàng đào tạo để có cơ hội tham gia vào thị trường lao động chuyên ngành hàng không, cũng như đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn theo quy định của Cục hàng không Việt Nam và ngành hàng không dân dụng quốc tế.

Tuy nhiên hiện nay, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng đủ điều kiện để mở mã nghề đào tạo các ngành, nghề liên quan đến hàng không theo quy định của Cục hàng không Việt Nam. Đây là một trong những khó khăn thách thức đối với công tác đào tạo nhân lực phục vụ trong và ngoài Cảng hàng quốc tế Long Thành đi vào hoạt động năm 2026, giai đoạn 2026-2030.

Mặt khác, tại điểm d khoản 1 **Điều 15** của **Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (số 65/2025/QH15), Hội đồng nhân dân cấp tỉnh** có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

*“d) Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển các lĩnh vực tài chính, đầu tư, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đất đai, tài nguyên, môi trường, thương mại, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải,* ***giáo dục****, y tế, hành chính tư pháp, nội vụ, lao động, xã hội, văn hóa, thông tin, du lịch, thể dục thể thao của địa phương theo quy định của pháp luật.”*

Tại điểm c khoản 1 Điều 21 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, quy định:

*“c) Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;* ***biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương****; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;”*

Trên cơ sở những thách thức, cơ hội mới và những định hướng đã được nêu ở trên cũng như thực trạng nguồn nhân lực, thẩm quyền ban hành chính sáchcó tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, các điều kiện đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ của tỉnh Đồng Nai, phục vụ trong và ngoài Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành khi đi vào vận hành năm 2026, đặc biệt là ưu tiên đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người dân bị thu hồi đất thuộc Dự án để phục vụ xây dựng Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành, đảm bảo về số lượng, cơ cấu và chất lượng đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm tại Cảng.

Vì vậy, việc UBND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, là rất cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tại chỗ có nhiều cơ hội việc làm trong và ngoài Cảng hàng không, góp phần trong việc đảm bảo chính sách an sinh xã hội và đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội Đảng đề ra trong giai đoạn 2026 – 2030 và các năm tiếp theo.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích ban hành văn bản**

a) Tạo điều kiện để học sinh - sinh viên, người lao động của tỉnh Đồng Nai, đặc biệt là người dân bị thu hồi đất khu vực sân bay quốc tế Long Thành, đáp ứng cao nhất với các yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ CHKQT Long Thành.

b) Bảo đảm sự thống nhất trong quan điểm và triển khai thực hiện giữa ngành Hàng không, tỉnh Đồng Nai và các bên có liên quan.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản**

a) Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ‎ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

b) Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước, cũng như khả năng cân đối ngân sách tỉnh. Đồng thời, phải đảm bảo hiệu quả của chính sách được thực hiện ổn định, lâu dài, không phát sinh thủ tục hành chính.

c) Phát huy tối đa về nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển; đầu tư phát triển cơ sở giáo dục, phát triển nhân lực về số lượng, chất lượng và cơ cấu ngành nghề đào tạo gắn kết với chuyên ngành hàng không, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực tỉnh Đồng Nai theo nhu cầu vị trí việc làm phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026 - 2030, phát huy có hiệu quả nguồn nhân lực qua đào tạo của tỉnh, đặc biệt là ưu tiên người dân có đất bị thu hồi thuộc Dự án.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Trong quá trình xây dựng chính sách của Nghị quyết, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động, nghiêm túc thực hiện các bước theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

1. Nghiên cứu, rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới và phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là các văn bản quy định (điều kiện, tiêu chuẩn, an ninh và an toàn,….) liên quan đến lĩnh vực hàng không.

2. Xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách: Báo cáo đã làm rõ sự cần thiết ban hành Nghị quyết, chính sách được đề xuất tác động kinh tế - xã hội và khả năng thực thi, góp phần cung cấp nguồn nhân lực lao động tại chỗ được đào tạo phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

3. Hoàn thiện hồ sơ xây dựng chính sách theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

a) **Phạm vi điều chỉnh**

- Lĩnh vực đào tạo nhân lực phục vụ trong Cảng hàng không quốc tế Long Thành, gồm các lĩnh vực: Lĩnh vực cảng hàng không; lĩnh vực quản lý bay; lĩnh vực vận tải hàng không; lĩnh vực cung cấp dịch vụ hàng không; lĩnh vực cảng vụ hàng không;...

- Lĩnh vực đào tạo nhân lực phục vụ ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành, gồm: Dịch vụ logistics, dịch vụ nhà hàng, dịch vụ khách sạn, dịch vụ thương mại, tài chính-ngân hàng, du lịch và lưu thông hàng hóa; dịch vụ taxi;...

- Cơ sở đào tạo: Trường đại học, trường cao đẳng có ngành nghề đang đào tạo hoặc liên kết đào tạo liên quan đến chuyên ngành hàng không, cũng như đào tạo nhóm ngành nghề quy định nêu trên.

**b) Đối tượng áp dụng**

- Ưu tiên hộ gia đình có đất bị thu hồi *(trong đó có Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành)*, gia đình có công với cách mạng, hộ nghèo và cận nghèo *(theo chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai)*, học sinh tốt nghiệp Trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc dân tộc thiểu số *(thuộc vùng DTTS và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ)*, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đang thường trú trên địa bàn tỉnh **(nhóm 1)**. Người dân đang thường trú trên địa bàn tỉnh **(nhóm 2)**;

- Cơ sở giáo dục có đào tạo trình độ đại học và cao đẳng có học sinh - sinh viên đang theo học, được Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ hoặc tự cá nhân đi học các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh với các ngành nghề chuyên về hàng không, được các doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc trong Cảng Hàng không quốc tế Long Thành.

**2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết**

Nghị quyết gồm 05 điều, cụ thể:

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Quy định nội dung, mức chi đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

2. Đối tượng áp dụng

**Điều 2. Chính sách đào tạo**

1. Mức học phí và học bổng chính sách

a) Mức học phí đào tạo

b) Mức hỗ trợ học bổng chính sách

c) Trường hợp đã được hỗ trợ học phí đào tạo và học bổng chính sách từ các chương trình, dự án khác của Nhà nước thì không được hưởng chính sách này.

2. Mức vốn vay và lãi suất cho vay

a) Đối tượng được hỗ trợ vay vốn

b) Mức vốn cho vay

c) Lãi suất cho vay

d) Thời gian, hồ sơ và thủ tục cho vay

e) Quản lý và sử dụng nguồn vốn cho vay

3. Điều kiện và phương thức hỗ trợ

a) Đối với người học

b) Đối với cơ sở đào tạo

4. Xử lý bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

**Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

**Điều 4. Thời gian thực hiện**

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

**3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

a) Mức hỗ trợ học phí và học bổng chính sách

- Mức hỗ trợ học phí đào tạo (nhóm 1 và nhóm 2)

+ Trình độ cao đẳng: Thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 9 và Điều 27 (đối với giáo dục nghề nghiệp) Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, *(Đính kèm phụ lục 1: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí tối đa không quá 02 lần so với mức học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của năm học 2026-2027).*

+ Trình độ đại học: Thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 10 và Điều 27 (đối với giáo dục đại học) Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, *(Đính kèm phụ lục 1: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí được xác định tối đa không quá 02 lần mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của năm học 2026-2027, tương ứng với từng khối ngành và từng năm học).*

+ Trường hợp người lao động tự do đi học trình độ cao đẳng và đại học, sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc đại học *không quá 01 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp*của cơ sở đào tạovà được các doanh nghiệp tuyển dụng *(có thời gian hợp đồng lao động từ 36 tháng trở lên kể từ ngày ký)* vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành, thì được Nhà nước hỗ trợ chính sách thanh toán 01 lần hoặc 02 học phí đào tạo trực tiếp cho người học, thông qua tài khoản cá nhân sau khi cung cấp đầy đủ hồ sơ, thời gian thanh toán theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước được UBND tỉnh giao thực hiện chính sách. Mức hỗ trợ bằng với mức đào tạo cho một người khi nhà nước đặt hàng đào tạo tập trung tại cơ sở đào tạo tùy theo trình độ cao đẳng hoặc đại học, khi chính sách có thay đổi mức đào tạo cho một người trên năm thì áp dụng theo quy định mới.

- Mức hỗ trợ học bổng chính sách (nhóm 1)

Mức hỗ trợ học bổng chính sách áp dụng cho đối tượng thuộc nhóm 1 bằng 80% mức lương cơ sở/tháng hiện hành, thời gian hỗ trợ 10 tháng/năm học.

- Trường hợp đã được hỗ trợ học phí đào tạo và học bổng chính sách từ các chương trình, dự án khác của Nhà nước thì không được hưởng chính sách này.

b) Mức vốn vay và lãi suất cho vay

Thực hiện ***Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ*** *(Trong quá trình thực hiện có thay đổi về chính sách tín dụng vay vốn thì áp dụng theo Quy định mới của Thủ tướng Chính phủ* *và hướng dẫn nghiệp vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội).* Cụ thể:

- Đối tượng được hỗ trợ vay vốn

Người lao động có nhu cầu học trình độ cao đẳng, đại học với các ngành nghề đào tạo, trình độ đào tạo theo nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp hàng không, được vay vốn tín dụng đối với học sinh, sinh viên theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Mức vốn cho vay

+ Mức vốn cho vay thực hiện Điều 7 của Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ. Mức vốn cho vay tối đa đối với 01 người học để hỗ trợ trang trải tiền học phí, tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian còn lại của khóa học, bao gồm:

++ Toàn bộ tiền học phí phải đóng của người học (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường nếu có) theo xác nhận của nhà trường;

++ Tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác tối đa là 5 triệu đồng/tháng.

+ Căn cứ vào mức vốn cho vay tối đa đối với 01 người học, Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận thống nhất với khách hàng vay vốn để xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể đối với từng người học.

- Lãi suất cho vay

Thực hiện Điều 7 của Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

+ Lãi suất cho vay là 4,8%/năm.

+ Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

- Thời gian, hồ sơ và thủ tục cho vay

Thời gian cho vay thực hiện theo Điều 10 của Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, hồ sơ quy trình thủ tục cho vay, quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay, xử lý nợ đến hạn, kiểm tra sử dụng vốn vay, xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hành chính sách xã hội.

- Quản lý và sử dụng nguồn vốn cho vay

Đối tượng được hỗ trợ áp dụng theo quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với học sinh, sinh viên thường trú trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

c) Điều kiện hỗ trợ

*- Đối với người học*

+ Có nhu cầu đăng ký học trình độ cao đẳng và đại học, vay vốn và tìm kiếm việc làm.

+ Người học tuân thủ các quy chế hoặc quy định về tuyển sinh, cũng như trong quá trình học tập tại cơ sở đào tạo. Có trách nhiệm thực hiện các cam kết trong thời gian học tập và sau khi tốt nghiệp đối với Nhà nước và cơ sở đào tạo, trường hợp có vay vốn tín dụng thì thực hiện hoàn trả theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội (nếu có).

+ Người lao động được hỗ trợ đào tạo một lần theo chính sách quy định tại Nghị quyết này.

- *Đối với cơ sở đào tạo*

+ Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ thông qua hợp đồng với cơ sở đào tạo phần học phí đào tạo và học bổng chính sách cho nhóm đối tượng ưu tiên nếu có.

+ Điều kiện để Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo, cơ sở đào tạo đạt kiểm định chất lượng đào tạo hoặc chương trình đào tạo đạt kiểm định chất lượng của cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định của Nhà nước.

+ Có hợp đồng cam kết đầu ra với doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc tại Cảng Hàng không quốc tế Long Thành.

d) Xử lý bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 của Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số. Trường hợp có thay đổi thì áp dụng quy định văn bản mới.

e) Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo giảng dạy ngành nghề hoặc một số mô đun liên quan đến lĩnh vực hàng không

Thực hiện chính sách lồng ghép vào Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025-2035 và định hướng tới năm 2045 được phê duyệt tại Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ, khi Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu hoặc ban hành chính sách mới thì áp dụng thực hiện theo chính đó.

f) Các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 78/2025/ND-CP ngày 01/4/2025 và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

- Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước.

+ Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Cụ thể:

Đổi mới phương thức đánh giá, công nhận tốt nghiệp có sự tham gia của doanh nghiệp đối với các chương trình chất lượng cao. Hỗ trợ, khuyến khích đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và thu hút doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào đào tạo nguồn nhân lực.

Thực hiện hiệu quả chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân. Khuyến khích các địa phương sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình để hỗ trợ chủ động các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực phù hợp định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

+ Căn cứ Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 278-KH/TU ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

Có cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp để khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp từ khâu tuyển sinh, đào tạo đến sử dụng người học, liên kết thành lập các cơ sở thực hành tại các cơ sở giáo dục, gắn đào tạo với thực tế sản xuất, bền vững giữa 03 nhà (Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp), nâng cao chất lượng đào tạo nghề trọng điểm, nghề chất lượng cao liên quan đến ngành, nghề thuộc lĩnh vực hàng không.

- Vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp.

Pháp luật chưa có chính sách đủ mạnh để huy động nguồn nhân lực có chất lượng cao từ doanh nghiệp, nghệ nhân, chuyên gia tham gia giảng dạy thực hành; cơ chế tài chính chưa tạo động lực đổi mới, việc phân bổ kinh phí chủ yếu theo chỉ tiêu kế hoạch, thiếu căn cứ vào hiệu quả hoạt động hoặc chất lượng đào tạo, chưa khuyến khích cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở; chưa khuyến khích mô hình đào tạo theo đơn đặt hàng;

- Vướng mắc, bất cập từ thực tiễn.

Chính sách về cơ chế tài chính hỗ trợ cho mô hình đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp còn thiếu linh hoạt, cản trở sự tham gia của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

**V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH**.

Chưa thực hiện gửi Sở Tư pháp thẩm định, lý do Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục gửi văn bản (lần 2) lấy ý kiến Sở, ngành, UBND các xã, phường, vì thực hiện văn bản mới do Trung ương ban hành, cụ thể:

- Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Có hiệu lực thi hành ngày 03/9/2025.

- Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán. Có hiệu lực thi hành ngày 28/8/2025.

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH**

**1. Dự kiến nguồn lực**

Nguồn nhân lực thực hiện: Đội ngũ cán bộ, công chức của Sở Giáo dục và Đào tạo (trong đó Phòng Giáo dục nghề nghiệp được giao tham mưu thực hiện) công chức thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo làm việc tại UBND cấp xã. Đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo tại các trường đại học, cao đẳng, doanh nghiệp tuyển dụng lao động vào làm việc trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

**2. Điều kiện bảo đảm cho việc thực hành Nghị quyết**

Việc triển khai thực hiện chính sách đảm bảo thực hiện dựa trên những điều kiện quy định pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo như: cơ sở vật chất, phòng học, thiết bị thực hành, chương trình đào tạo hoặc liên kết đào tạo với doanh nghiệp, đội ngũ giáo viên,.... và thủ tục hành chính đã được ban hành.

**3. Thời gian trình Nghị quyết ban hành**

Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, vào kỳ họp thường lệ hoặc chuyên đề vào quý 1 năm 2026 của HĐND tỉnh Đồng Nai.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh Đồng Nai xin kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

***Xin gửi kèm theo:***

*(1) Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.*

*(2) Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***: - Như trên;  - Thường trực Tỉnh ủy; - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh:  - Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;  - Ban Pháp chế HĐND tỉnh;  - Ban VHXH-HĐND tỉnh;  - Văn phòng HĐND tỉnh;  - Các Sở: GDĐT, Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;  - Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;  - Lưu: VT, KGVX, THNC, KTNS,(…. Bản). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH** |

**PHỤ LỤC 1: TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

Thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 9 và Điều 27 (đối với giáo dục nghề nghiệp) Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

*(Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí tối đa không quá 02 lần so với mức học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của năm học 2026-2027).*

*Đơn vị: nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhóm ngành, nghề đào tạo** | **Năm học 2026 – 2027**  **đến năm học 2030-2031** | | |
| Năm học  2026 - 2027 | khoản 2 Điều 9 | Mức học phí tối đa |
| 1 | Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý | 1.600 | 02 lần | 3.200 |
| 2 | Khoa học, pháp luật và toán | 1.700 | 02 lần | 3.400 |
| 3 | Kỹ thuật và công nghệ thông tin | 2.400 | 02 lần | 4.800 |
| 4 | Sản xuất, chế biến và xây dựng | 2.300 | 02 lần | 4.600 |
| 5 | Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y | 1.650 | 02 lần | 3.300 |
| 6 | Sức khỏe | 2.800 | 02 lần | 5.600 |
| 7 | Dịch vụ, du lịch và môi trường | 2.000 | 02 lần | 4.000 |
| 8 | An ninh, quốc phòng | 2.200 | 02 lần | 4.400 |

**PHỤ LỤC 2: TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

Thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 10 và Điều 27 (đối với giáo dục đại học) Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

*(Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí được xác định tối đa không quá 02 lần mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của năm học 2026-2027, tương ứng với từng khối ngành và từng năm học).*

*Đơn vị: nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng*

| **TT** | **Tên ngành** | **Mã ngành** | **Năm học 2026 – 2027 đến**  **năm học 2030-2031** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| NH 2026 - 2027 | khoản 2 Điều 10 | Mức học phí tối đa |
| 1 | Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên | 714 | 1.790 | 02 lần | 3.580 |
| 2 | Nghệ thuật | 721 | 1.710 | 02 lần | 3.420 |
| 3 | Kinh doanh và quản lý, pháp luật | 734, 738 | 1.790 | 02 lần | 3.580 |
| 4 | Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên | 742, 744 | 1.930 | 02 lần | 3.680 |
| 5 | Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y | 746, 748, 751, 752, 754, 758, 762, 764 | 2.090 | 02 lần | 4.180 |
| 6 | Sức khỏe | 772 |  |  |  |
| 6.1 | Điều dưỡng - hộ sinh, dinh dưỡng, răng - hàm - mặt (nha khoa), kỹ thuật y học, y tế công cộng, quản lý y tế, khác | 77203, 77204, 77205, 77206 77207, 77208, 77290 | 2.660 | 02 lần | 5.320 |
| 6.2 | Dược học, y học | 77201, 77202 | 3.500 | 02 lần | 7.000 |
| 7 | Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường | 722, 731, 732,776, 781, 784, 785 | 1.910 | 02 lần | 2.820 |
| 8 | Lĩnh vực khác (ngành ghép, liên ngành) | 790 | Bằng mức trung bình cộng học phí của các ngành nêu trên có trong ngành ghép, liên ngành | 02 lần | Theo thực tế sau khi tính trung bình |